TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 849/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 704/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thu H – sinh năm 1979; CCCD 024179000434.
- Bị đơn: Anh Trần Việt H1 – sinh năm 1979; CCCD 024079000574.

Cùng thường trú: Tổ B, phường H, thành phố Hà Nội.

Cùng chỗ ở hiện nay: Số I ngách A ngõ D phố T, phường H, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2025;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Chị **Vũ Thu H** và anh **Trần Việt H1**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thu H và anh Trần Việt H1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị H, anh H1 xác nhận có 3 con chung là: Trần Huyền T – sinh ngày 22/01/2007; Trần Đức M – sinh ngày 10/9/2015 và Trần Minh H2 – sinh ngày 19/5/2020. Anh, chị thống nhất giao hai con Trần Đức M và Trần Minh H2 cho chị H trực chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế. Anh H1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 8.000.000 đồng/2con/tháng (mỗi con 4.000.000 đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2026.

Anh H1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Đối với con Trần Huyền T đã đủ tuổi trưởng thành; chị H, anh H1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị H tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai số 0011534 ngày 12/5/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4.Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND khu vực 3 – Hà Nội;
- UBND xã Thọ Xương, thị xã Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang - nay là tỉnh Bắc Ninh ĐKKH

THẨM PHÁN

số 29 ngày 11/3/2005);
- Phòng THA dân sự KV3-Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu Văn phòng.

Nguyễn Thị Hồng Thắm